

Số: 38/2024/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 08 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang, như sau:

1. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục tài sản cố định đặc thù quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Hà Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu: VT, KTTH.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Sơn

Phụ lục I
DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
I	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Nhãn hiệu	5	20
II	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Cây đầu dòng	5	20
2	Vườn cây đầu dòng	5	20
III	Phần mềm ứng dụng		
1	Cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm kế toán	5	20
3	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
4	Phần mềm quản lý văn bản	5	20
5	Phần mềm quản lý bệnh viện	5	20
6	Phần mềm quản lý tài sản	5	20
7	Phần mềm khám giám định y khoa	5	20
8	Phần mềm khám sức khỏe	5	20
9	Phần mềm khám sức khỏe cho người lái xe	5	20
10	Phần mềm ứng dụng lĩnh vực y tế	5	20
11	Phần mềm quản lý hiện vật	5	20
12	Phim di sản văn hóa phi vật thể	5	20
13	Phần mềm số hóa xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	5	20
14	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
IV	Tài sản cố định vô hình khác	5	20

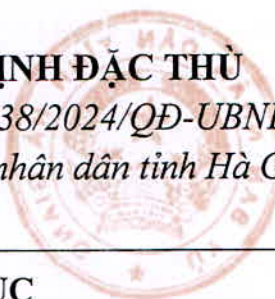
Handwritten signature



Phụ lục II

DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)



STT	DANH MỤC
I	Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng
1	Công cụ đá thời tiền sử
2	Hiện vật Trống đồng
3	Y phục truyền thống dân tộc có làng bản cư trú lâu đời ở Hà Giang
4	Cổ vật gốm thời Trần, Lê
5	Hiện vật thời kỳ mở đường Hạnh Phúc
6	Hiện vật thời kỳ Tiến Phi
7	Kỹ vật kháng chiến
8	Hiện vật thời bao cấp
9	Hiện vật đồ mộc gia dụng các dân tộc
10	Hiện vật giấy
11	Hiện vật Tiền (đồng)
12	Hiện vật phim, ảnh
II	Di tích được xếp hạng
1	Di tích quốc gia đặc biệt
2	Di tích quốc gia
3	Di tích cấp tỉnh

(Handwritten signature)